

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G L**

Bản án số: 23/2018/DS-ST

Ngày: 20/11/2018

V/v “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G L

- Thành phần Hội đồng sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Viết Minh Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Do

2. Ông Lưu Thông.

Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Mỹ Vương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G L tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Bưởi – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G L xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2018/TLST – DS, ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm; 1960.

Địa chỉ: Thôn H L1, xã K, huyện Đ, tỉnh G L. Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm: 1983.

Ông Võ A, sinh năm: 1976.

Cùng địa chỉ: Thôn H L 2, xã K, huyện Đ, tỉnh G L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Bà C là chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng C Tùng, vợ chồng ông Võ A, bà Nguyễn Thị Ngọc T chuyên nhận thầu xây dựng nhà cho các hộ đồng bào người dân tộc. Nên vào ngày 18/01/2016 có tới mua vật liệu xây dựng của bà và nợ số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 18/4/2016 sẽ trả cho bà. Đến ngày 10/5/2016 ông A, bà T tiếp tục đến mua vật liệu xây dựng của bà để đỡ trụ tiêu và nợ bà số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/7/2016 sẽ trả cho bà. Tiếp đó đến ngày 09/6/2016 ông A, bà T mua thêm vật liệu xây dựng của bà và nợ thêm số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 09/01/2017 sẽ trả cho bà. Do là bạn hàng lâu năm nên bà C đồng ý cho ông A, bà T nợ tất cả số tiền mua vật liệu xây dựng trên và yêu cầu ông A, bà T phải trả nợ như cam kết. Cả 03 lần mua vật liệu xây dựng trên thì ông A, bà T đều có viết “giấy mua nợ vật liệu xây dựng” cho bà. Tuy nhiên đến hạn trả tiền thì ông A, bà T đã không thực hiện như cam kết dù bà C có đòi nhiều lần.

Tại phiên tòa hôm nay bà C yêu cầu ông A, bà T phải trả cho bà toàn bộ số tiền nợ mua vật liệu xây dựng của 03 lần với tổng số tiền là 300.000.000 đồng và bà C không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với bị đơn ông Võ A, bà Nguyễn Thị Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên tại bản tự khai bà T, ông A trình bày:

Bà T và ông A thừa nhận còn nợ của bà C số tiền 300.000.000 đồng và đồng ý trả cho bà C vào ngày 03/12/2018. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là vợ chồng ông A và bà T nhưng ông A, bà T đã không đến tòa án tham gia phiên hòa giải và không đến tham gia phiên tòa. Do vậy, ông A và bà T không có lời khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 274; Điều 275; Điều 278; Điều 280; Điều 351; Điều 357; Điều 430; Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lại số tiền là 300.000.000 đồng như nguyên đơn yêu cầu. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về sự vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục để triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là vợ chồng ông Võ A và bà Nguyễn Thị Ngọc T. Tuy nhiên, ông A và bà T đã không đến Toà án để tham gia hòa giải, không đến tham gia phiên tòa. Việc ông A và bà T không đến Toà án để tham gia tố tụng, không đến tham gia phiên tòa là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông A và bà T.

[2] Về nội dung: Bà C là chủ cửa hàng bán vật liệu xây dựng C Tùng, vợ chồng ông Võ A, bà Nguyễn Thị Ngọc T chuyên nhận thầu xây dựng nhà cho các hộ đồng bào người dân tộc. Nên vào ngày 18/01/2016 vợ chồng ông A, bà T có tới mua nợ vật liệu xây dựng của bà C với số tiền 200.000.000 đồng và hẹn đến ngày 18/4/2016 sẽ trả. Đến ngày 10/5/2016 ông A, bà T tiếp tục đến mua nợ vật liệu xây dựng của bà C để đổ trụ tiêu với số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 10/7/2016 sẽ trả. Tiếp đó đến ngày 09/6/2016 ông A, bà T mua nợ thêm vật liệu xây dựng của bà C với số tiền 50.000.000 đồng và hẹn đến ngày 09/01/2017 sẽ trả cho bà C. Do có mối quan hệ làm ăn lâu năm với vợ chồng ông A, bà T nên bà C đồng ý cho ông A, bà T nợ tất cả số tiền mua vật liệu xây dựng trên và yêu cầu ông A, bà T phải trả nợ như cam kết. Cả 03 lần mua vật liệu xây dựng trên thì ông A, bà T đều có viết “giấy mua nợ vật liệu xây dựng” cho bà C. Tuy nhiên đến hạn trả tiền thì ông A, bà T đã không thực hiện như cam kết trong “giấy mua nợ vật liệu xây dựng” dù bà C có đòi nhiều lần. Xét, việc hợp đồng mua nợ vật liệu xây dựng giữa bà C với vợ chồng ông A, bà T là một hợp đồng dân sự được giao kết trên cơ sở tự nguyện giữa các bên và phù hợp với các quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, nhưng khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận thì ông A, bà T là bên vi phạm, không trả nợ theo cam kết. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C yêu cầu bị đơn ông Võ A và bà Nguyễn Thị Ngọc T phải trả số tiền còn nợ từ việc mua vật liệu xây dựng là 300.000.000 đồng. Việc ông A, bà T không đến Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình. Từ những nhận định trên thấy rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 300.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Về tiền lãi: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C không yêu cầu tính lãi của số tiền nợ nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và ông Võ A phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Áp dụng: Điều 278; Điều 351; Điều 357; Điều 430; Điều 434 và Điều 440 của Bộ luật dân sự; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Buộc bị đơn ông Võ A và bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị C số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong tất cả các khoản tiền thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Võ A và bà Nguyễn Thị Ngọc T có nghĩa vụ nộp số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn Trả lại cho bà Nguyễn Thị C số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0002597 ngày 02/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G L.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh

G L xét xử phúc thẩm. đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G L;
- VKSND tỉnh G L;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Bùi Viết Minh Quân